TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2023/HSST

Ngày: 29/3/2023.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hà.**

Thẩm phán: ông Trương Công Huấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Giáo

2. Bà Nguyễn Lý Ngọc Thu.

3. Ông Phạm Đình Nghinh.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa*: Ông Nguyễn Bảo Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Đình Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 829/HSST ngày 25 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 987/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2023 đối với:

- Bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Hoàng N**, sinh năm: 1983; tại Tây Ninh; thường trú: 1 L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Cư trú: Chung cư B, S phường A, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nguyên giám đốc Công ty TNHH G; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Xuân T và bà Lại Thị Khánh D; có vợ và 02 con sinh năm 2017 và năm 2021; tiền án tiền sự: không; tạm giam: 23/6/2021 "có mặt".

- ***Bị hại:***

+ Công ty TNHH M1. Trụ sở: 216-218 Quốc lộ A, phường H, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thành T1 (theo giấy ủy quyền ngày 23/3/2023) "có mặt".

+ Công ty Cổ phần T8. Trụ sở: B T, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thành T1 (theo giấy ủy quyền ngày 23/3/2023) "có mặt".

+ Công ty Cổ phần V. Trụ sở: A N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh Đại diện theo ủy quyền: ông Đỗ Khôi N1 (theo giấy ủy quyền ngày 01/12/2022) "có mặt".

- ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

+ Ban Quản lý Đầu tư-Xây dựng Khu đô thị M. Trụ sở: B T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo phân công: ông Mai Văn A – Chánh Văn phòng Ban Quản lý Đầu tư-Xây dựng Khu đô thị M "có mặt".

- ***Người bào chữa:***

Bà Trần Thị Ngân H, Luật sư – Công ty L thuộc Đoàn Luật sư Thành phố T bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Hoàng N "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Công ty TNHH G (viết tắt Công ty G) được Sở K1 cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 07/4/2015, mã số doanh nghiệp: 0313198189. Đại diện pháp luật: Nguyễn Hoàng N (sinh năm: 1983; HKTT: 149/26 L, phường B, Quận A, TP .).

- Công ty TNHH M1 (viết tắt Công ty M1) được Sở K1 cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 15/8/2002; thay đổi lần thứ 18 ngày 12/10/2018; mã số doanh nghiệp: 0302706401. Đại diện pháp luật: Trần Bình M (sinh năm: 1966; CMND số: 023775170; HKTT: 666/70 Đường C, Phường A, Quận A, TP .).

- Công ty cổ phần T8 (viết tắt Công ty T8) được Sở K1 cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 10/6/2015; đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 21/12/2018; mã số doanh nghiệp: 0302090835. Đại diện pháp luật: Ông Phạm Anh H1 (sinh năm: 1957; CMND số: 25333669; HKTT: 308 N, Phường H, Quận A, TP .).

- Công ty CP V: Công ty Cổ phần V (viết tắt Công ty I) được Sở K1 cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 05/7/2001; thay đổi lần thứ 20 ngày 04/4/2017; mã số doanh nghiệp: 0302345459. Đại diện pháp luật: Nguyễn Thái Q (sinh năm: 1971; CMND số: 025531426; HKTT: 8E2 Cư xá C, Phường B, quận B, TP .).

- Về quy chế hoạt động và chức năng, nhiệm vụ của Ban Quản lý đầu tư xây dựng Khu đô thị M và Trung tâm D4:

+ Ban Quản lý đầu tư xây dựng Khu đô thị M (viết tắt Ban Q1) được thành lập theo Quyết định số 103/2001/QĐ-UB ngày 01/11/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố (viết tắt UBND Thành phố) và Quy chế tổ chức hoạt động được ban hành theo Quyết định số 42/2011/QĐ-UBND ngày 17/6/2011 của UBND Thành

phố. Theo đó, Ban Q1 thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về lĩnh vực đầu tư và xây dựng tại Khu đô thị M theo quy hoạch, kế hoạch được phê duyệt và các quy định có liên quan của Nhà nước.

+ Trung tâm D4 (viết tắt Trung tâm T) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ban Q1 hoạt động theo cơ chế tự chủ quy định tại Nghị định số 141 /2016/ND-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ. Ngày 10/3/2018, UBND Thành phố có Quyết định số 949/QĐ-UBND về tổ chức lại Trung tâm D4 trên cơ sở sáp nhập Ban Q1 vào Trung tâm D4.

Ngày 10/5/2002, UBND Thành phố H có Quyết định số 1997/QĐ-UB của Chủ tịch UBND Thành phố về việc thu hồi và giao đất xây dựng Khu đô thị M. Quyết định nêu: *"Thu hồi 6.214.328 m^2 đất nằm trong khu vực quy hoạch xây dựng Khu đô thị M tại các phường A, B, B, An Lợi Đ và Thủ T2 thuộc Quận B (nay là TP .) và giao cho Ban Quản lý Đầu tư xây dựng Khu đô thị M để tổ chức bồi thường giải phóng mặt bằng, quản lý khu đất và tiến hành mời gọi đầu tư nhằm xây dựng Khu đô thị phù hợp quy hoạch được duyệt"*

Ngày 19/6/2012, UBND Thành phố H có Quyết định số 3165/QĐ-UBND về duyệt đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị M, Quận B.

Ngày 01/9/2016, Ban Q1 có Công văn số 1187 đề nghị UBND Thành phố H về việc được tạm sử dụng mặt bằng chưa triển khai đầu tư trong Khu đô thị M. Theo đó, Ban Q1 đề xuất chấp thuận cho Trung tâm D4 được phép tạm sử dụng mặt bằng trống tại Vị trí 2: Khu đất quy hoạch công viên, cây xanh có diện tích khoảng 6.423m^2, thuộc Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị M, phía Tây giáp rạch Cá Trê Lớn và Khu tái định cư 38,8 ha phường B, phía Đông giáp đường M. Trung tâm Thủ Thiêm đề xuất tạm thời sử dụng khu đất này để tổ chức một số hoạt động thể dục thể thao (sân bóng đá cỏ nhân tạo), tạo sân chơi lành mạnh cho thanh, thiếu niên trên địa bàn Quận B và khu vực lân cận.

Căn cứ đề nghị của Ban Q1, ngày 06/12/2016, Văn phòng UBND Thành phố có Thông báo số 852/TB-VP về kết luận của Chủ tịch U tại cuộc họp Ban Chỉ đạo dự án đầu tư, xây dựng Khu đô thị M. Tại nội dung số 15 của Thông báo có nội dung: *"Chấp thuận đề xuất của Ban Q1 về chủ trương cho phép Trung tâm D4 được tạm sử dụng mặt bằng trống tại vị trí 2: khoảng 6.423 m^2 thuộc khu đất Quy hoạch công viên cây xanh theo Quy hoạch tỷ lệ 1/2000 trong Khu đô thị M để tổ chức hoạt động thể dục thể thao trong Khu đô thị M".*

Ngày 22/12/2016, Ban Q1 có Công văn số 1751/BQL-ĐĐ gửi Trung tâm T về việc tạm giao mặt bằng chưa triển khai đầu tư để tổ chức hoạt động thể dục thể thao trong Khu đô thị M, Quận B theo Kết luận của Chủ tịch UBND Thành phố.

Ngày 11/01/2017, Nguyễn Hoàng N, Giám đốc Công ty G ký Văn bản số 110117/GE-CV gửi Trung tâm D4 về việc xin tham gia đầu tư xây dựng tại Khu đất quy hoạch công viên cây xanh, có diện tích khoảng 6.423m^2 thuộc Đồ án quy

hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị M và khai thác, kinh doanh các hoạt động thể dục thể thao. Tổng giá trị đầu tư khoảng 06 tỷ đồng.

Ngày 12/01/2017, Trung tâm T và Nguyễn Hoàng N - Giám đốc Công ty G lập Biên bản về nội dung đàm phán Hợp đồng hợp tác, xây dựng tại Khu đất quy hoạch công viên cây xanh, có diện tích khoảng 6.423m^2 thuộc Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị M và khai thác, kinh doanh các hoạt động thể dục thể thao.

Ngày 12/01/2017, Trung tâm D4 có Tờ trình số 01/TTr-TT xin ý kiến Phó Trưởng Ban Q1 chấp thuận chủ trương hợp tác đầu tư, xây dựng tại khu đất quy hoạch công viên cây xanh, có diện tích khoảng 6.423m^2 thuộc Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị M và khai thác, kinh doanh các hoạt động thể dục thể thao. Tại Tờ trình, Trung tâm T cũng đề xuất việc hợp tác với Công ty G với hình thức: Hợp tác đầu tư, xây dựng và khai thác, kinh doanh phân chia lợi nhuận. Công ty G đầu tư đổ đất, san ủi đất, chuẩn bị mặt bằng và triển khai xây dựng 03 sân bóng đá mi-ni cỏ nhân tạo, trồng cây xanh, xây dựng mương thoát nước, đấu nối điện nước, lối ra - vào, xây dựng nhà tạm (gồm văn phòng điều hành, căn-tin, nhà vệ sinh, nhà bảo vệ) theo Thuyết minh thiết kế và dự toán kèm theo. Tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 06 tỷ đồng.

Ngày 25/01/2017, Ban Q1 có Công văn số 130/BQL-ĐT đồng ý chủ trương cho Trung tâm Thủ Thiêm được hợp tác với Công ty G để đầu tư, xây dựng và khai thác một số hoạt động thể dục thể thao tại khu đất quy hoạch công viên cây xanh.

Căn cứ chủ trương của Ban Q1, ngày 02/02/2017, Trung tâm Thủ Thiêm và Nguyễn Hoàng N - Giám đốc Công ty G ký Hợp đồng hợp tác đầu tư và kinh doanh hoạt động thể dục thể thao số 01/HĐHT- TT. Theo đó 02 bên thống nhất cùng hợp tác đầu tư và kinh doanh các hoạt động thể dục thể thao tại khu đất quy hoạch công viên cây xanh, có diện tích khoảng 6.423m^2 thuộc Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị M, thời hạn hợp đồng là 3 năm kể từ ngày ký. Hàng tháng, Công ty G thanh toán cho Trung tâm D4 lợi nhuận bằng 18% doanh thu thuần (đã trừ VAT) nhưng không thấp hơn mức tối thiểu là 130.000.000 đồng. Nội dung hợp đồng còn nêu rõ: Công ty G không được chuyển nhượng, cho người khác thuê lại mặt bằng khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm D4; Không được kinh doanh dịch vụ khác ngoài kinh doanh các hoạt động thể dục thể thao tại khu đất quy hoạch công viên cây xanh.

Ngày 24/7/2017, Ban Q1 có Công văn số 907/BQL-XD chấp thuận cấp phép cho Trung tâm D4 xây dựng khu tổ chức hoạt động thể dục thể thao tại Khu đất đất công viên cây xanh thuộc Khu dân cư B (38,4 ha) trong Khu đô thị M.

Sau khi ký hợp đồng với Trung tâm D4, Nguyễn Hoàng N đã không thực hiện theo tiến độ xây dựng đã cam kết mà lợi dụng thời gian thực hiện Hợp đồng đã ký với Trung tâm Thủ Thiêm, N làm giả, sử dụng các tài liệu giả để ký kết các

Hợp đồng hợp tác khai thác khu đất bất hợp pháp với một số Công ty khác nhau để chiếm đoạt tài sản, cụ thể:

- Hợp đồng hợp tác với Công ty T8, Công ty M1:

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty T8 có nhu cầu tìm kiếm mặt bằng làm nơi trưng bày xe ô tô tại Quận B (nay là TP .), TP ., do đó Công ty T8 đã tìm hiểu, trao đổi với Nguyễn Hoàng N về việc hợp tác khai thác khu đất. Nguyễn Hoàng N đã cung cấp các tài liệu pháp lý có liên quan đến Khu đất công viên cây xanh thuộc Khu dân cư B (38,4 ha) trong Khu đô thị M cho Công ty T8 để chứng minh khả năng khai thác khu đất, trong đó có 01 bản chính **Công văn giả số 1035/BQL-XD ngày 19/01/2018** của Ban Q1 với nội dung: *"Ban Q1 chấp thuận đề xuất của Trung tâm D5 vấn đầu tư, Xây dựng T về việc tạm sử dụng mặt bằng xây dựng khu tổ chức hoạt động thể dục thể thao và nơi trưng bày bán các sản phẩm thương mại phục vụ người dân tại khu đất thuộc khu tái định cư B (38,4 ha) trong Khu đô thị M. Bao gồm: Khu trưng bày và showroom, văn phòng làm việc, khu thể thao trong nhà: tổng diện tích khu đất: 8.034,1m^2; diện tích xây dựng: 3.329m^2; tổng diện tích sàn xây dựng: 19.884 m^2"*.

Tin tưởng khu đất này được phép kinh doanh thương mại như thông tin và tài liệu Nam cung cấp, ngày 24/01/2018, Công ty T8, do ông Nìm Vuồn P - Phó Tổng Giám đốc làm đại diện và Công ty G, do Nguyễn Hoàng N - Giám đốc là đại diện đã ký Hợp đồng hợp tác khai thác số 2018012401/HĐHTKT, cùng nhau thống nhất khai thác diện tích Khu đất để Công ty T8 đầu tư xây dựng khu trưng bày sản phẩm xe hơi và dịch vụ sau bán hàng. Thời hạn hợp đồng là 30 năm từ ngày 01/02/2018. Thực hiện Hợp đồng, Công ty T8 đã chuyển số tiền 5.471.222.100 đồng (tiền đặt cọc bằng với 06 tháng tiền khoán lợi nhuận hợp tác) vào tài khoản số 13910000000569 của Công ty G mở tại Ngân hàng B2 - C2 do Nguyễn Hoàng N làm chủ tài khoản (ngày 29/9/2017 chuyển số tiền 2.187.031.500 đồng, ngày 31/01/2018 chuyển số tiền 3.284.190.600 đồng). Đến ngày 08/2/2018, Nguyễn Hoàng N đã chỉ đạo Mai Quốc A1 - Trợ lý Giám đốc Công ty G giao bản chính Công văn số 1035/BQL-XD ngày 19/01/2018 cho Lê Hoàng P1, là nhân viên của Công ty T8. Hai bên có lập biên bản bàn giao, nội dung thế hiện giao nhận đủ "Giấy phép xây dựng số 1035/BQL-XD với số lượng 01 văn bản".

Đến ngày 02/5/2018, Công ty T8 ký Biên bản Thanh lý Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2018012401/HĐHTKT với Công ty G để chuyển quyền hợp tác từ Công ty T8 sang Công ty M1. Do Công ty T8 và Công ty M1 có mối quan hệ gia đình (anh chị em ruột cùng là chủ của 02 Công ty) nên khi thực hiện chuyển quyền hợp tác, Công ty T8 đã tạm chưa thu hồi số tiền đặt cọc vì nội dung Hợp đồng hợp tác Công ty G ký lại với Công ty M1 tương tự như đã ký với Công ty T8 trước đây và cùng giá trị số tiền đặt cọc.

Ngày 03/5/2018, Nguyễn Hoàng N ký với Công ty M1 (cũng do ông Nìm Vuồn P - Phó Giám đốc làm đại diện) Hợp đồng hợp tác khai thác số 18052306/HĐHTKT và Phụ lục Hợp đồng hợp tác khai thác số

180523061/PLHĐ-HĐKT18052306 với nội dung hợp tác cùng khai thác khu đất công viên cây xanh thuộc khu 38,4 ha trong Khu đô thị M, thời hạn Hợp đồng là 30 năm kể từ ngày ký, hình thức hợp tác là khoán lợi nhuận hợp tác hằng tháng (Công ty M1 trả cho Công ty G số tiền: 911.870.350 đồng/tháng), mục đích sử dụng khi thuê lại là đầu tư xây dựng khu trưng bày sản phẩm xe hơi và dịch vụ sau bán hàng.

Tại Phụ lục Hợp đồng Hợp tác khai thác số 1805230601/PLHĐ-HĐKT ngày 03/5/2018 của Hợp đồng trên, có nêu: *"Bên A (Công ty G do Nguyễn Hoàng N đại diện) có trách nhiệm chuyển mục đích sử dụng đất từ đất xây dựng khu tổ chức hoạt động thể dục thể thao sang mục đích sử dụng đất thương mại cho toàn khu đất trên"*.

Thực hiện Hợp đồng, Công ty M1 chuyển doanh thu khoán của 06 tháng với tổng số tiền 6.018.344.310 đồng vào tài khoản số 13910000000569 của Công ty G mở tại Ngân hàng B2 Chi nhánh B3 (vào các ngày 27/7/2018, 24/8/2018, 27/9/2018, 01/11/2018, 28/11/2018, 10/01/2019).

Như vậy, đến ngày 10/01/2019, Công ty T8 và Công ty M1 đã chuyển tổng số tiền 11.489.566.410 đồng để thực hiện các Hợp đồng đã ký kết với Công ty G.

- Hợp đồng với Công ty CP V (viết tắt Công ty I): Đang trong quá trình thực hiện Hợp đồng hợp tác khai thác số 18052306/HĐHTKT ký ngày 03/5/2018 với Công ty M1, ngày 13/09/2018, Công ty G (do Nguyễn Hoàng N - Giám đốc làm đại diện) tiếp tục ký kết với Công ty I (do ông Nguyễn Văn C - Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm đại diện) Hợp đồng chuyển nhượng vốn Công ty G số: 79.6886/2018/ITC-GE và Phụ lục Hợp đồng số: 01/2018/PLHĐ. Theo đó, giá chuyển nhượng là 145.000.000.000 đồng, đối tượng chuyển nhượng của Hợp đồng (được nêu rõ tại Điều 1, Phụ lục Hợp đồng số: 01/2018/PLHĐ) bao gồm dự án đang được Công ty G sử dụng, triển khai đầu tư xây dựng, kinh doanh cụ thể là Dự án tại khu đất quy hoạch công viên cây xanh theo quy hoạch tỷ lệ 1/2000 trong khu đô thị M. Nguyễn Hoàng N cam kết chắc chắn với Công ty I về việc thực hiện các thủ tục, hồ sơ pháp lý để được Cơ quan có thẩm quyền Nhà nước chấp thuận chủ trương chuyển đổi công năng dự án sang dự án có chức năng đầu tư xây dựng khu thương mại dịch vụ và văn phòng cho thuê đối với khu đất nêu trên.

Ngày 16/11/2018, Nguyễn Hoàng N gửi Công văn giả số 4832/UBND-CV ngày 16/11/2018 của UBND Thành phố do Phó Chủ tịch Trần Vĩnh T3 ký cho Công ty I, về việc trả lời công văn số 20180905111/GE-CV và hỗ trợ các thủ tục pháp lý liên quan đến dự án trung tâm tổ chức các hoạt động thể thao trên đường M, Quận B. Mục 2 của Công văn này có nêu: *"Chấp thuận chủ trương cho Công ty TNHH G lập đề án triển khai và trình hồ sơ thiết kế cơ sở, báo cáo kinh tế kỹ thuật... "*.

Ngoài ra, Nguyễn Hoàng N cũng gửi cho Công ty I Biên bản họp liên ngành Thành phố giả ngày 21/3/2019 (Sở T9 - Sở K1, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Quy hoạch kiến trúc, Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu Đô thị M) về việc thực hiện

chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND Thành phố T tại Công văn số 4832/UBND-CV ngày 16/11/2018. Theo đó, Liên ngành Thành phố thống nhất việc xin chuyển đổi công năng dự án và mục đích sử dụng đất tại dự án. Đại diện các Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở T9, Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch kiến trúc, Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu đô thị M cùng với Nguyễn Hoàng N đã ký vào Biên bản họp liên ngành. Nguyễn Hoàng N thông tin với Công ty I là các văn bản trên là văn bản mật của UBND Thành phố nên không đưa bản chính cho Công ty I được mà chỉ gửi file hình ảnh cho Công ty I.

Tin dự án này do Công ty G làm chủ đầu tư và đã được các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển đổi công năng theo các tài liệu mà Nguyễn Hoàng N cung cấp, Công ty I đã chuyển vào tài khoản số 13910000000569 của Công ty G mở tại Ngân hàng B2 Chi nhánh B3 tổng số tiền: 21.750.000.000 đồng (gồm tiền đặt cọc hợp đồng là 14.500.000.000 đồng được chuyển vào ngày 21/9/2018 và tiền thanh toán hợp đồng là 7.250.000.000 đồng được chuyển vào ngày 25/3/2019).

Do đã quá hạn bàn giao mặt bằng theo Hợp đồng hợp tác đã ký, qua tìm hiểu Công ty M1 biết được Ban Q1 không phát hành Công văn số 1035/BQL-XD ngày 19/01/2018, Khu đất công viên cây xanh thuộc khu dân cư B trong khu đô thị M là khu đất quy hoạch công viên cây xanh thuộc đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị M. Khu đất này không được phép chuyển sang mục đích thương mại dịch vụ.

* Kết quả xác minh:

- Ban Q1: Khu đất công viên cây xanh thuộc Khu dân cư T (38,4ha) trong Khu đô thị M là khu đất quy hoạch công viên cây xanh thuộc Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị M. Khu đất này không được phép chuyển sang mục đích đất thương mại dịch vụ, hoặc bất kỳ mục đích sử dụng đất nào khác.

Ban Q1 không nhận được bất kỳ hồ sơ trình phê duyệt bản vẽ thiết kế kỹ thuật và hồ sơ xin phép chuyển mục đích sử dụng đất của Công ty G từ năm 2017 đến năm 2020.

Đến nay đã hết hạn hợp tác, Ban Q1 đã có Công văn số 405/BQL-VP ngày 19/5/2020 về việc hoàn trả mặt bằng tại Khu đất quy hoạch công viên cây xanh thuộc Khu tái định cư B (Khu 38,4ha) trong Khu đô thị M.

- Trung tâm D4: Trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng hợp tác số 01/HĐHT-TT ngày 02/02/2017 (thời gian kết thúc hợp đồng vào ngày 30/6/2020) về việc hợp tác đầu tư và kinh doanh hoạt động thể dục thể thao giữa Trung tâm D4 và Công ty TNHH D4 chỉ thực hiện hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH G theo Hợp đồng đã ký và không có bất cứ chấp thuận nào về việc đồng ý cho Công ty G hợp tác với đơn vị khác. Trung tâm D4 không nhận được báo cáo từ Công ty G cũng như không biết việc Công ty G khoán lại Hợp đồng, mục đích xây dựng với bên thứ 3. Nguyễn Hoàng N còn đang nợ Trung tâm D4 số tiền 235.000.000 đồng.

- Công ty T8, Công ty M1: Công ty T8 và Công ty M1 có mối quan hệ gia đình do người đại diện của 02 Công ty này là anh em, và các thành viên góp vốn cũng là cùng gia đình với nhau. Nên sau khi Công ty T8 thanh lý Hợp đồng hợp tác với C1 ty Global Economic đã chuyển sang Công ty M1 thay thế ký kết Hợp đồng hợp tác khai thác để cùng hợp tác khai thác khu đất công viên cây xanh, thuộc khu 38,4 ha trong Khu đô thị M. Việc ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở Hợp đồng đã ký trước đó giữa Công ty G và Trung tâm D4; cùng với Công văn số 1035/BQL-XD ngày 19/01/2018 của Ban Q1 do Nguyễn Hoàng N cung cấp thể hiện việc khu đất được phép làm nơi trưng bày bán các sản phẩm thương mại.

Từ ngày 29/9/2017 đến ngày 10/01/2019, Công ty T8, Công ty M1 đã nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản Công ty G tại Ngân hàng B2 CN Bình Tây S, với tổng số tiền là 11.489.566.410 đồng (bao gồm tiền đặt cọc và 06 tháng doanh thu hợp tác).

Sau khi tìm hiểu, biết Công văn số 1035/BQL-XD ngày 19/01/2018 là giả. Công ty M1 đã tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Hoàng N đến Cơ quan điều tra.

- Công ty CP V (ITC): Nguyễn Hoàng N nhiều lần giới thiệu, hứa hẹn, cam đoan rằng Dự án Khu liên hợp thể thao đang được Công ty của Nam sở hữu, làm chủ đầu tư, xây dựng theo Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 của Khu đô thị M. Nguyễn Hoàng N cam kết chắc chắn trong thời hạn 135 ngày, đảm bảo thực hiện đầy đủ hồ sơ chuyển đổi công năng Dự án sang chức năng đầu tư xây dựng khu thương mại cao ốc, văn phòng, căn hộ cho thuê và giao cho Công ty G của N làm chủ đầu tư. Tin tưởng nên Công ty I đã ký Hợp đồng chuyển nhượng vốn Công ty G với mục đích là nhận lại Dự án. Tổng số tiền Công ty I đã chuyển cho Nguyễn Hoàng N là 21.750.000.000 đồng.

Sau khi Công ty I phát hiện hành vi gian dối của Nguyễn Hoàng N, N đã chuyển lại số tiền 10.250.000.000 đồng cho Công ty I. Sau đó N nhiều lần trốn tránh trách nhiệm trả tiền, nên tháng 8/2020, Công ty I đã tố giác Nam đến Cơ quan điều tra.

- Nguyễn Hoàng N khai: Nam thành lập và điều hành trực tiếp mọi hoạt động của Công ty G, vốn điều lệ Công ty là 250 tỷ đồng nhưng thực tế vốn góp chỉ có 3 tỷ đồng.

Ban đầu (trước khi bị khởi tố bị can, bắt tạm giam), Nguyễn Hoàng N thừa nhận là người làm giả Công văn số 1035/BQL-XD ngày 19/01/2018 của Ban Q1. Cách thức lảm giả là căn cứ Công văn số 907/BQL-XD ngày 24/7/2017 do Ban Q1 phát hành. Nguyễn Hoàng N đã chỉnh sửa thêm nội dung và in màu ra thành Công văn số 1035/BQL-XD ngày 19/01/2018. Với mục đích để ký Hợp đồng hợp tác khai thác khu đất với Công ty T8, Công ty M1, số tiền chiếm đoạt từ Công ty T8 và Công ty M1, Nguyễn Hoàng N khai sử dụng vào việc đầu tư cơ sở khu đất và trả tiền thuê hàng tháng cho Ban Q1 nên không có tiền để hoàn trả lại cho Công ty T8 và Công ty M1.

Nguyễn Hoàng N thừa nhận Văn bản của UBND Thành phố số 4832/UBND-CV, Biên bản họp liên ngành Thành phố do N gửi Công ty CP V là giả mạo. Tuy nhiên, N khai N được người tên D1 đưa các tài liệu này cho N nhưng N không cung cấp được thông tin về người này.

- Ông Mai Văn A, Chánh Văn phòng Ban Q1 khai: ông A không có bất kỳ mối quan hệ quen biết nào với Nguyễn Hoàng N từ trước. Ông A là người trực tiếp thỏa thuận ký kết Hợp đồng hợp tác đầu tư khai thác khu đất quy hoạch công viên cây xanh tại Quận B với Nguyễn Hoàng N. Nội dung cam kết trong Hợp đồng cũng nêu rõ khu đất này không được chuyển nhượng, cho người khác thuê lại mặt bằng; Không được kinh doanh dịch vụ khác ngoài kinh doanh các hoạt động thể dục thể thao tại khu đất quy hoạch công viên cây xanh. Qua các tài liệu và nội dung trao đổi trước khi ký Hợp đồng, Nguyễn Hoàng N đã biết rõ khu đất này là khu đất công viên cây xanh, không được phép chuyển đổi công năng, mục đích sử dụng đất.

- Những người liên quan gồm: ông Nìm Vuồn P, Phó Giám đốc Công ty M1, ông Lê Hoàng P1, nhân viên Công ty T8; ông Đỗ Khôi N1, pháp chế Công ty I, tất cả đều khẳng định chỉ làm việc trực tiếp với Nguyễn Hoàng N và được Nguyễn Hoàng N cam kết, hứa hẹn là sẽ chuyển đổi công năng và mục đích sử dụng đất của Khu đất.

- Nguyễn Thị Hồng D2 (Kế toán Công ty G) khai: Nguyễn Hoàng N là chủ tài khoản Công ty G, mỗi lần tiền từ Công ty T8, Công ty M1, Công ty I chuyển vào tài khoản Công ty G thì Ngân hàng sẽ báo tin nhắn vào điện thoại của Nguyễn Hoàng N. Việc Nguyễn Hoàng N sử dụng tiền như thế nào thì D2 không biết.

- Mai Quốc A1 (Trợ lý của Nguyễn Hoàng N tại Công ty G) khai: thực tế, Nguyễn Hoàng N chỉ ký Hợp đồng với Trung tâm D4 để thuê được khu đất. Sau đó, N tìm các đối tác khác để cho thuê lại khu đất. Thực tế là N không đầu tư, triển khai gì Dự án theo đúng như Hợp đồng với Trung tâm D4. Trong suốt quá trình làm trợ lý cho N thì Mai Quốc A1 không thấy N làm bất kỳ hồ sơ nào để thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất cho khu đất.

- Nguyễn Xuân B (nguyên Phó Giám đốc Công ty G) khai: Nguyễn Hoàng N là người thành lập Công ty G và điều hành, chỉ đạo mọi công việc tại Công ty.

* Cơ quan CSĐT Công an T10 tiến hành trưng cầu giám định các tài liệu, Hợp đồng mà Nguyễn Hoàng N đã ký với Công ty T8, Công ty M1, Công ty I, Trung Tâm T. Kết luận giám định số 2245/KLGĐ-TT, ngày 29/4/2021 của Phòng K2 Công an T10 kết luận: Chữ ký mang tên Nguyễn Hoàng N trên các tài liệu, Hợp đồng đã ký với Công ty T8, Công ty M1, Công ty I, Trung Tâm T là do Nguyễn Hoàng N ký ra.

* Hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức của Nguyễn Hoàng N:

1. Hành vi làm giả, sử dụng tài liệu giả đối với: Công văn số 1035/BQL-XD ngày 19/01/2018 của Ban Q1; Biên bản họp liên ngành Thành phố ngày

21/3/2019 để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của Công ty T8, Công ty M1, Công ty I.

Ban Q1 xác nhận không phát hành Công văn số 1035/BQL- XD ngày 19/01/2018 về việc sử dụng mặt bằng xây dựng khu tổ chức hoạt động thể dục thể thao tại khu đất C thuộc Khu dân cư tái định cư B (38,4 ha) trong Khu đô thị M. Ban Q1 khẳng định Công văn số 1035/BQL-XD ngày 19/01/2018 nói trên là giả mạo. Trong năm 2018, Ban Q1 chỉ phát hành Tờ trình số 1035/TTr-BQL-VP ngày 14/9/2018 *"về xét duyệt dự toán chi tiết công việc, hạng mục công nghệ thông tin sử dụng nguồn ngân sách sự nghiệp năm 2018",* nội dung tờ trình này không liên quan đến Khu đất công viên cây xanh.

Ngày 06/01/2021, Phòng K2 - Công an T10 đã có Kết luận giám định số 178/KLGĐ-TT, kết luận: Chữ ký đứng tên Lê Phước T4, hình dấu tròn có nội dung: Ủy ban nhân dân Thành phố H - Ban quản lý Đầu tư - Xây dựng khu đô thị mới T trên tài liệu cần giám định (Công văn số 1035/BQL-XD ngày 19/01/2018) được làm giả bằng phương pháp in laser màu.

Ban đầu, Nguyễn Hoàng N đã thừa nhận là người làm giả Công văn số 1035/BQL-XD ngày 19/01/2018 của Ban Q1. Cách thức làm giả là căn cứ Công văn số 907/BQL-XD ngày 24/7/2017 do Ban Q1 phát hành, N đã chỉnh sửa thêm nội dung và in màu ra thành Công văn số 1035/BQL-XD ngày 19/01/2018. Với mục đích để ký Hợp đồng hợp tác khai thác khu đất với Công ty M1. Tuy nhiên, sau đó Nguyễn Hoàng N thay đổi lời khai cho rằng: Công văn số 1035/BQL-XD do Mai Đăng K - Phó Giám đốc Công ty G giao cho N và N đã chuyển cho Mai Đăng K số tiền 700.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng vào tài khoản của Mai Đăng K tại Ngân hàng H2 vào thời điểm tháng 01/2018 để K đi lo việc thực hiện Công văn số 1035/BQL-XD ngày 19/01/2018 nêu trên. Quá trình điều tra, xác minh Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định lời khai này của Nguyễn Hoàng N hoàn toàn không có cơ sở.

Qua khám xét đối với Nguyễn Hoàng N tại Tòa soạn B4, địa chỉ: số E đường số A, Khu đô thị S, phường A, TP ., TP .. Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 01 bản chính Biên bản họp liên ngành Thành phố ngày 21 tháng 3 năm 2019. Trong Biên bản họp liên ngành này tại vị trí Sở K1 được đóng hình dấu tròn màu đỏ nội dung: "CỘNG HÒA X.H.C.N. VIỆT NAM- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH- SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG". Và tại vị trí Công ty TNHH G có chữ ký của Nguyễn Hoàng N (đây là Biên bản họp liên ngành mà Nguyễn Hoàng N đã chuyển cho Công ty I thể hiện các cơ quan chức năng đã đồng ý chuyển đổi công năng của khu đất cho Công ty G).

- 01 con dấu tròn khắc nội dung: "CỘNG HÒA X.H.C.N. VIỆT NAM- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH- SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG".

Căn cứ tài liệu, con dấu thu giữ được, Cơ quan CSĐT đã tiến hành trưng cầu giám định Phòng K2 Công an T10, kết quả:

- Kết luận giám định số 5413/KLGĐ-TT ngày 13/10/2021 kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Hoàng N trên Biên bản họp liên ngành Thành phố ngày 21/3/2019 là do Nguyễn Hoàng N ký và viết ra.

- Kết luận giám định số 6336/KLGĐ-TT ngày 01/12/2021, kết luận:

+ Hình dấu tròn khắc nội dung "CỘNG HÒA X.H.C.N. VIỆT NAM-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH- SỞ TÀI NGUYÊN^VÀ MÔI TRƯỜNG" (do Cơ quan điều tra thu giữ tại phòng làm việc của Nguyễn Hoàng N) là cùng một con dấu đóng ra tại vị trí Sở K1 trong Biên bản họp liên ngành ngày 21/3/2019;

+ Hình dấu tròn mà Cơ quan điều tra thu giữ được không phải là hình dấu do con dấu Sở K1 đóng ra.

2. Hành vi sử dụng tài liệu giả, con dấu giả: đối với Công văn số 4832/UBND-CV ngày 16/11/2018; Con dấu Sở K1:

Nguyễn Hoàng N khai nhận: Văn bản của UBND Thành phố số 4832/UBND-CV, Biên bản họp liên ngành Thành phố do N gửi Công ty CP I là giả mạo. N khai N được một người tên D1 đưa các tài liệu này. Quá trình điều tra, xác minh xác định lời khai của N về đối tượng tên D1 là không có cơ sở.

Văn phòng UBND Thành phố đã có Công văn số 9652/VP-HCTC ngày 10/11/2020 xác định: Công văn số 4832/UBND-CV ngày 16/11/2018 do Phó Chủ tịch UBND Thành phố T ký, không phải do UBND Thành phố ban hành; UBND Thành phố không ban hành Công văn số 4832/UBND-CV thì không có cơ sở để dựa vào đó tổ chức cuộc họp liên ngành. Như vậy, Công văn số 4832/UBND-CV ngày 16/11/2018 mà Nguyễn Hoàng N gửi Công ty I là giả; quá trình điều tra chưa làm rõ được nguồn gốc con dấu của Sở K1 thu giữ tại Tòa soạn B4, địa chỉ: số E đường số A, Khu đô thị S, phường A, TP ., TP ., tuy nhiên đủ căn cứ xác định Nguyễn Hoàng N đã sử dụng con dấu này đóng vào Biên bản họp Liên ngành Thành phố ngày 21/3/2019 để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Công ty I.

Ngoài ra, quá trình khám xét nơi làm việc đối với Nguyễn Hoàng N, Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- Hai (02) con dấu tròn khắc chữ "Sở Xây dựng"

- Một (01) con dấu tròn khắc chữ "Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Kinh doanh nhà Thành phố H"

- Một (01) con dấu tròn khắc chữ "Công ty TNHH M2"

- Một (01) con dấu tròn khắc chữ "Công ty cổ phần G1"

- Một (01) con dấu tròn khắc chữ "Ban trị sự Thời B5"

- Một (01) con dấu vuông khắc chữ "Trương Trọng T5"

- Một (01) con dấu vuông khắc chữ "Trần Văn T6"

- Một (01) con dấu vuông khắc chữ ký màu xanh

Cơ quan CSĐT đã tiến hành trưng cầu Phòng K2 Công an T10 giám định con dấu, xác định: con dấu khắc chữ nội dung: "Sở Xây dựng", "Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Kinh doanh nhà Thành phố H", "Công ty TNHH M2", "Công ty cổ phần G1" là giả. Tuy nhiên, quá trình điều tra đến nay chưa đủ căn cứ để xác định N làm ra hay sử dụng những con dấu nêu trên để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

Đối với các con dấu: "Ban trị sự Thời B5"; "Trương Trọng T5"; "Trần Văn T6"; con dấu vuông khắc chữ ký màu xanh. Hiện Cơ quan CSĐT chưa thu được mẫu dấu nên chưa có cơ sở để giám định đối với các con dấu này.

- Năm mươi (50) viên hình trụ bằng kim loại màu vàng. Cơ quan CSĐT Công an T10 có Quyết định trưng cầu giám định, kết quả: Năm mươi (50) vỏ đạn gửi đến giám định là vỏ đạn đã qua sử dụng của loại đạn quân dụng cỡ 9mm X 19mm, vỏ đạn không phải là vũ khí quân dụng;

- 01 Điện thoại di động hiệu Vertu màu đen, 01 CPU máy tính. Kết quả giám định: Không xác định được dữ liệu tìm thấy có liên quan trực tiếp đến nội dung vụ án hay không (dữ liệu trích xuất ra được lưu trữ trong thiết bị lữu trữ kèm theo).

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Hoàng N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Bản Cáo trạng số 309/CTr-VKSTC-P3, ngày 13/6/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố Nguyễn Hoàng N về tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và tội "*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Phần tranh tụng tại phiên tòa:

- Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản Cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính chất, mức độ phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt như sau:

+ Đề nghị áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng N: 18 năm tù đến 20 năm tù về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 03 năm tù đến 04 năm tù về tội: "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung hình phạt của 02 tội là: 21 năm tù đến 24 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/6/2021.

+ Đề nghị xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo tranh luận: Về tội danh bị truy tố, luật sư không có ý kiến. Thống nhất với ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, trong vụ án này bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cãi; đã khắc phục một phần hậu quả vụ án; gia đình có hoàn cảnh khó khăn, hiện có con nhỏ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

- Qúa trình đối đáp, tranh luận tại phiên tòa, các Luật sư, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và Kiểm sát viên bảo lưu ý kiến, quan điểm của mình đã trình bày trước phiên tòa, việc tranh luận bổ sung không phát sinh ý kiến gì mới. Các bên bảo lưu quan điểm tranh luận tại phiên tòa.

- Lời nói sau cùng của bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố T10; Kiểm sát viên - Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung vụ án:

Nguyễn Hoàng N là giám đốc Công ty TNHH G, ngày 12/01/2017, Trung tâm Thủ Thiêm và Nguyễn Hoàng N lập biên bản đàm phán và tiến hành ký Hợp đồng hợp tác xây dựng tại Khu đất quy hoạch công viên cây xanh, có diện tích khoảng 6.423m2 thuộc Đồ án quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000 Khu đô thị mới thủ thiêm và khai thác, kinh doanh các hoạt động thể thao (vị trí 2). Theo đó 02 bên thống nhất cùng hợp tác đầu tư và kinh doanh các hoạt động thể dục thể thao tại khu đất quy hoạch công viên cây xanh, có diện tích khoảng 6.423m^2 thuộc Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị M, thời hạn hợp đồng là 3 năm kể từ ngày ký. Hàng tháng, Công ty G thanh toán cho Trung tâm D4 lợi nhuận bằng 18% doanh thu thuần (đã trừ VAT) nhưng không thấp hơn mức tối thiểu là

130.000.000 đồng. Nội dung hợp đồng còn nêu rõ: Công ty G không được chuyển nhượng, cho người khác thuê lại mặt bằng khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm D4; không được kinh doanh dịch vụ khác ngoài kinh doanh các hoạt động thể dục thể thao tại khu đất quy hoạch công viên cây xanh.

Tuy nhiên, Nguyễn Hoàng N đã không thực hiện theo tiến độ xây dựng và các nội dung hợp đồng đã cam kết như đã nêu mà đã làm giả, sử dụng các tài liệu giả như: Văn bản số 1035/BQL-XD ngày 19/01/2018 của Ban Q1; Biên bản họp liên ngành Thành phố ngày 21/3/2019; sử dụng Công văn giả số 4832/UBND-CV ngày 16/11/2018 của UBND Thành phố H, sử dụng con dấu giả của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố K1 để đóng vào Biên bản họp liên ngành giả ngày 21/3/2019 ký Hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng khu trưng bày sản phẩm xe hơi và dịch vụ sau bán hàng với Công ty Cổ phần T8; Công ty TNHH M1; và ký Hợp đồng chuyển nhượng vốn Công ty G với Công ty Cổ phần V. Từ đó, N chiếm đoạt của Công ty Cổ phần T8 số tiền: 5.771.222.100 đồng; chiếm đoạt của Công ty TNHH M1 số tiền: 6.018.344.310 đồng và chiếm đoạt của Công ty Cổ phần V: 21.750.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền Nguyễn Hoàng N chiếm đoạt là: 33.239.566.410 đồng.

Trong vụ án này Nguyễn Hoàng N trực tiếp làm giả và sử dụng các liệu giả để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của 03 bị hại. Như vậy, bị cáo đã thực hiện một chuỗi hành vi, các hành vi có liên quan chặt chẽ với nhau, hành vi trước là điều kiện để thực hiện hành vi sau, hành vi sau là hậu quả của tất yếu của hành vi trước. Do đó, có căn cứ pháp lý để xác định bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về 02 tội:“ Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phat được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 và điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính nhà nước, của tổ chức trong lĩnh vực quản lý về con dấu, tài liệu và xâm phạm quyền sở hữu tài sản của cơ quan, tổ chức được pháp luật bảo vệ. Trực tiếp chiếm đoạt số tiền rất lớn của 03 bị hại, phạm tội thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả phạm tội theo quy định của các Điều luật viện dẫn, nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức, quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung theo Quyết định số 420/2022/HSST-QĐ ngày 27/9/2022 để làm rõ các vấn đề liên quan đến việc truy tố đối với tội danh ghép. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là tội danh ghép được quy định trong cùng một điều luật (Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017), các hành vi trên đều xâm phạm cùng một khách thể được Bộ luật Hình sự bảo vệ, đó là trật tự quản lý hành chính của nhà nước, của tổ chức trong lĩnh vực về con dấu, tài liệu. Do đó, khi quyết định hình phạt đối với tội ghép, Hội đồng xét xử buộc bị cáo chịu trách

nhiệm hình sự về tội danh đầy đủ và áp dụng một hình phạt theo quy định của Điều luật viện dẫn nhằm đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo.

Đồng thời, do bị cáo phạm 02 tội nên căn cứ vào Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử sẽ tổng hợp hình phạt quy định tại Điều 341 và Điều 174 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Trong quá trình lượng hình, Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo một số tình tiết giảm nhẹ như bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; đã khắc phục một phần hậu quả cho các bị hại sau khi thực hiện hành vi phạm tội; cụ thể đã trả cho công ty T8 1.000.000.000 đồng và trả cho công ty Cổ phần V số tiền 10.525.000.000 đồng, bị hại là công ty Cổ phần và Vận tải và Thương mại Quốc tế xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3]. Đối với Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu đô thị M, quá trình điều tra đã xác định đơn vị này thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ khi ký hợp đồng với Công ty G, hoàn toàn không biết Nguyễn Hoàng N làm giả, sử dụng tài liệu giả để ký hợp đồng đối với các công ty khác nhằm chiếm đoạt tài sản. Đối với các cá nhân như Nguyễn Thị Hồng D2, Mai Quốc A1, Nguyễn Xuân B là nhân viên của Công ty G, quá trình điều tra không xác định được các cá nhân này biết và giúp sức cho bị cáo làm giả tài liệu và chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Do đó, cơ quan điều tra; Viện Kiểm sát không xử lý trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[4]. Về trách nhiệm dân sự:

Qúa trình điều tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định bị cáo chiếm đoạt của Công ty Cổ phần T8 số tiền: 5.771.222.100 đồng; chiếm đoạt của Công ty TNHH M1 số tiền: 6.018.344.310 đồng và chiếm đoạt của Công ty Cổ phần V: 21.750.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền Nguyễn Hoàng N chiếm đoạt là: 33.239.566.410 đồng. Tuy nhiên, bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả cho các bị hại sau khi thực hiện hành vi phạm tội; cụ thể đã trả cho công ty T8 1.000.000.000 đồng và trả cho công công ty Cổ phần V số tiền 10.525.000.000 đồng. Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 cần buộc bị cáo trả lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho các bị hại sau khi trừ đi số tiền đã khắc phục, cụ thể:

+Trả lại cho Công ty TNHH M1 số tiền: 6.018.344.310 đồng.

+Trả lại cho Công ty Cổ phần T8 số tiền: 4.771.222.100 đồng.

+Trả lại cho Công ty Cổ phần V: 11.225.000.000 đồng

Đối với yêu cầu của Công ty Cổ phần V về việc buộc bị cáo trả lại tiền lãi suất trên tổng số tiền chiếm đoạt. Xét thấy, trong vụ án này bị cáo chiếm đoạt số tiền của bị hại dựa trên các hợp đồng kinh tế đã ký kết giữa hai bên, toàn bộ số tiền chiếm đoạt là cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Do đó, căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự, bị cáo phải có trách nhiệm trả lại toàn bộ số

tiền chiếm đoạt cho bị hại, riêng số tiền lãi không phải là căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và cũng không phải là thiệt hại do tài sản bị xâm hại theo Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên yêu cầu về việc buộc bị cáo phải trả lại tiền lãi là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5]. Về xử lý vật chứng:

+ Đối với các các tài liệu làm giả, các sổ thu chi của Công ty G2 economic là tài liệu đang lưu theo hồ sơ vụ án, nên cần tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

+ Đối với các con dấu thu giữ tại nhà bị cáo gồm: 01 túi trong suốt được dán niêm phong có chữ ký tên Đào Công T7. Bên trong chứa 01 con dấu có nội dung: "CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM*THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH*SỞ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG"; 01 túi trong suốt được dán niêm phong có chữ ký Đào Công T7. Bên trong chứa: 02 con dấu trong có nội dung: "CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM*THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH*SỞ XÂY DỰNG"; Một (01) con dấu tròn có nội dung "CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN Q*M.S.D.N: 0301124062-C.T.T.N.H.H*QUẬN 3-TP . HỒ CHÍ MINH*"; 01 con dấu tròn có nội dung "CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI SÀI GÒN*M.S.D.N:0301446599-C.T.C.P*QUẬN 9-TP . HỒ CHÍ MINH"; 01 con dấu có nội dung "CÔNG TY T.N.H.H MINISTOP VIỆT NAM*M.S.D.N"0313096162-C.T.T.N.H.H*Q.BÌNH TP . HỒ CHÍ MINH*"; 01 túi trong suốt được dán niêm phong có chữ ký tên Đào Công T7. Bên trong chứa: 01 con dấu vuông có nội dung: "BAN TRỊ SỰ THỜI BÁO KINH TẾ TOÀN CẦU"; 01 con dấu vuông có nội dung: "Trương Trọng Thảo"; 01 con dấu vuông có nội dung: "TrầnVăn T6"; 01 con dấu vuông có hình chữ ký màu xanh không có tên. Toàn bộ là đồ vật không rõ nguồn gốc, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 hộp màu đen có chứa năm mươi (50) vỏ đạn bằng kim loại màu vàng, có cùng ký hiệu S&B-15-9X19, cần giao cho Công an Thành phố T10 xử lý theo thẩm quyền.

+ Đối với 01 thiết bị CPU máy vi tính (không hiệu, không số seri); được niêm phong trên giấy niêm phong được đóng dấu của Phòng K2 Công an Thành phố T10 và 01 phong bì được niêm phong kín có đóng dấu của Phòng K2 Công an Thành phố T10 (bên trong chữa một điện thoại hiệu Vertu màu đen, đã qua sử dụng, có chữ ký niêm phong của ĐTV Nguyễn Minh D3. Là tài sản của bị cáo cần trả lại cho bị cáo nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[6]. Trên đây là lập luận của Hội đồng xét xử về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đối với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát, cũng như lời bào chữa của luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa.

Đối với các yêu cầu khác của các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không thuộc phạm vi xem xét của Hội đồng xét xử nên không xử lý trong vụ án này. Trường hợp các bên có tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết theo trình tự tố tụng khác.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s, b khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng N** 19 (Mười chín) năm tù về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 04 (B1) năm tù về tội: "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung hình phạt của 02 tội là: 23 (Hai mươi ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/6/2021.

Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

+ Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng N trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn M1 số tiền: 6.018.344.310 đồng.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng N trả lại cho Công ty Cổ phần T8 số tiền: 4.771.222.100 đồng.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng N trả lại cho Công ty Cổ phần V: 11.225.000.000 đồng.

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

+ Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án đối với các các tài liệu làm giả, các sổ thu chi của Công ty G.

+ Tịch thu tiêu hủy: Đối với các con dấu thu giữ tại nhà bị cáo gồm: 01 túi trong suốt được dán niêm phong có chữ ký tên Đào Công T7. Bên trong chứa 01 con dấu có nội dung: "CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM*THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH*SỞ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG"; 01 túi trong suốt được dán niêm phong có chữ ký Đào Công T7. Bên trong chứa: 02 con dấu trong có nội dung: "CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM*THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH*SỞ XÂY DỰNG"; Một (01) con dấu tròn có nội dung "CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN Q*M.S.D.N: 0301124062-C.T.T.N.H.H*QUẬN 3-TP . HỒ CHÍ MINH*"; 01 con dấu tròn có nội dung "CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI SÀI GÒN*M.S.D.N:0301446599-C.T.C.P*QUẬN 9-TP . HỒ CHÍ MINH"; 01 con dấu có nội dung "CÔNG TY T.N.H.H MINISTOP VIỆT NAM*M.S.D.N"0313096162-C.T.T.N.H.H*Q.BÌNH TP . HỒ CHÍ MINH*"; 01 túi trong suốt được dán niêm phong có chữ ký tên Đào Công T7. Bên trong chứa: 01 con dấu vuông có nội dung: "BAN TRỊ SỰ THỜI BÁO KINH TẾ TOÀN CẦU"; 01 con dấu vuông có nội dung: "Trương Trọng Thảo"; 01 con dấu vuông

có nội dung: "TrầnVăn T6"; 01 con dấu vuông có hình chữ ký màu xanh không có tên.

+ Giao cho Công an Thành phố T10 xử lý theo thẩm quyền đối với 01 hộp màu đen có chứa năm mươi (50) vỏ đạn bằng kim loại màu vàng, có cùng ký hiệu S&B-15-9X19.

+ Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án: đối với 01 thiết bị CPU máy vi tính (không hiệu, không số seri); được niêm phong trên giấy niêm phong được đóng dấu của Phòng K2 Công an Thành phố T10 và 01 phong bì được niêm phong kín có đóng dấu của Phòng K2 Công an Thành phố T10 (bên trong chữa một điện thoại hiệu Vertu màu đen, đã qua sử dụng, có chữ ký niêm phong của ĐTV Nguyễn Minh D3.

(Theo Biên bản giao nhận tang tài vật số NK2022/599 ngày 21/9/2022 tại Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng và chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 130.014.566 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ thi hành án chưa thực hiện nghĩa vụ nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời hạn chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để xin Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án.

Nơi nhận:
- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục THA DS; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Bị cáo; (1)
- Người bào chữa; (1)
- THA HS; (1)
- Phòng PV06 - CA Tp. HCM; (1)
- Người có QL&NVLQ; (1)
- Bị hại; (3)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (3)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (25) (4)



TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hà.